

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-9-2021.

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Sơn Thanh Bình.

2/. Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hồng Th, sinh năm 1990 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp MK, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Thu: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Đường HV, ấp CD, thị trấn HHN, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp MK, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/4/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Hồng Th trình bày:

Vào ngày 20/01/2016 chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, ngày 24/02/2016. Quá trình chung sống anh, chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Trong cuộc sống hằng ngày anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh, chị đã ly thân với nhau từ ngày 10/8/2020 đến nay, sau khi ly thân thì anh T bị bắt tạm giam do có hành vi đánh bạc, hiện nay anh T đang chấp hành án trong trại tạm giam Công an thành phố Sóc Trăng. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý và không yêu cầu gì khác.

- Tại Văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự ngày 17/9/2021, bà Nguyễn Thị B trình bày: Quá trình chung sống, chị Th và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị Th đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, từ đó vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 11/6/2021, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Th. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Hồng Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Trần Hồng Th và bị đơn anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, chị Th và anh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Hồng Th và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Th và anh T đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2016, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh T. Chị Th cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Th. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị Th và anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng thống nhất ly hôn với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn như đã nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Hồng Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Hồng Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Thu đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009026 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, chị Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã MH, huyện MT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Anh Tuấn

